

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 11 - 2017

V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa

2. Bà Đỗ Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ái N; Cư trú tại: Thôn N, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn T; Cư trú tại: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện S, tỉnh Gia

Lai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2006, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay tranh cãi, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng để dung hòa tìm tiếng nói chung mong cuộc hôn nhân không đổ vỡ nhưng mọi cố gắng của chị và anh T đều không có kết quả. Mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng đến nay chị nhận thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân của chị và anh T không còn có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ 09 năm nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu T và N. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đối với cháu N chị không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị xin thay đổi ý kiến trên và chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009, giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 cho anh T nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ái N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện S, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống nói chung vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì chị dâu em chồng không có sự hòa hợp với nhau cho nên dẫn đến sự việc cãi nhau. Chị Nguyễn Thị Ái N xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Ái N có trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu T, còn đối với cháu N nếu cháu muốn ở với anh thì anh sẽ nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T chỉ làm bản tự khai còn lại là vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa thể hiện thái độ không hợp tác, không tôn trọng pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ái N được ly hôn với chị Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 cho anh T và giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N và anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này; Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ái N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29 tháng 6 năm 2017, chị Nguyễn Thị Ái N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Cùng với đơn khởi kiện chị N đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn đầy đủ; Anh T cư trú tại Thôn H, xã Ia B, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xử xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái N và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị N cho rằng trong thời gian chung sống chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường hay tranh cãi, từ đó phát sinh nhiều mâu

thuần, vợ chồng đã cố gắng để dung hòa tìm tiếng nói chung mong cuộc hôn nhân không đổ vỡ nhưng mọi cố gắng của chị và anh T đều không có kết quả. Mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng đến nay chị nhận thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân của chị và anh T không còn có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ 09 năm nay. Nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Còn anh T cho rằng trong thời gian chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì chị dâu em chồng không có sự hòa hợp với nhau cho nên dẫn đến sự việc cãi nhau mà thôi. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của người làm chứng do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị N là có thực, đời sống hôn nhân thực tế giữa anh T và chị N đã không còn từ năm 2007 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập họp lệ 02 lần để anh T tham gia phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ái N ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con Chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ái N có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009. Tại phiên tòa chị N có nguyện vọng được nuôi cháu N và giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu T và cháu N. Theo nguyện vọng của cháu T thì muốn được ở với bố. Theo nguyện vọng của cháu N thì muốn ở với mẹ do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 cho anh Nguyễn Văn T; giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ái N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[4] Về phần tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ái N không yêu cầu nên miễn xét;

[5] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ái N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; - Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ái N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009.

Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/9/2006 cho anh T, giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 18/4/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ái N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001463 ngày 14/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**14/11/2017**), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã Đun;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Vương Đức Phụng